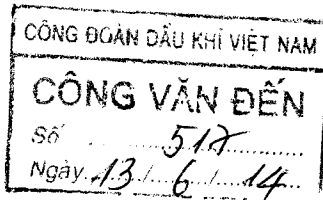


Số: 655/QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI;
- Căn cứ Điều 10 Luật Công đoàn ngày 20 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 10/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành điều 10 Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của Công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động;
- Căn cứ Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;
- Theo đề nghị của Ban Quan hệ Lao động Tổng Liên đoàn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 785/QĐ-TLĐ ngày 27/5/2004 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn, Quyết định số 786/QĐ-TLĐ ngày 27/5/2004 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật công đoàn.

Điều 3. Văn phòng, các Ban, đơn vị trực thuộc Tổng liên đoàn và các cấp công đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các đ/c Ủy viên BCH TLĐ
- LĐLĐ các tỉnh, Thành phố,
Công đoàn ngành TW,
Công đoàn TCTy trực thuộc TLĐ
- Các Ban, đơn vị trực thuộc TLĐ
- Bộ Tư pháp
- Lưu VT, Ban QHLD TLĐ



QUY ĐỊNH

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG ĐOÀN (Ban hành kèm theo Quyết định số: 655 /QĐ-TLĐ ngày 6 tháng 6 năm 2014 của Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, tính chất hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn

1. Hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn nhằm bảo đảm và hỗ trợ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn người lao động; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của đoàn viên công đoàn, người lao động và các đối tượng khác.

2. Hoạt động tư vấn của Công đoàn không thu phí, trừ các Trung tâm tư vấn pháp luật tổ chức, hoạt động theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật (sau đây gọi là Nghị định 77/2008/NĐ-CP), Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư 01/2010/TT-BTP), Quy định về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật công đoàn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng tư vấn pháp luật của Công đoàn

1. Đoàn viên công đoàn;
2. Người lao động; người nghèo, đối tượng chính sách được Nhà nước trợ giúp pháp lý miễn phí;
3. Tổ chức công đoàn;
4. Đối tượng khác có nhu cầu.

Điều 3. Tư vấn pháp luật miễn phí

Đoàn viên Công đoàn, người nghèo, đối tượng chính sách hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý; được yêu cầu, đề nghị công đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên tư vấn pháp luật miễn phí theo quy định tại Điều 18 Luật Công đoàn, Điều 3 Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Điều 10 Nghị định 77/2008/NĐ-CP.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm tổ chức hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn

1. Tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật cho đoàn viên công đoàn và người lao động là quyền và trách nhiệm của các cấp công đoàn.

Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện cụ thể, từng cấp công đoàn chủ động lựa chọn hình thức tổ chức và quyết định thành lập tổ chức tư vấn pháp luật sau khi được Công đoàn cấp trên, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn chấp thuận, theo quy định tại Điều 5 và Điều 9 của Quy định này.

2. Khi đoàn viên công đoàn yêu cầu hoặc người lao động đề nghị tư vấn về pháp luật lao động và công đoàn, Công đoàn nơi tiếp nhận phải có trách nhiệm xem xét, đáp ứng yêu cầu và đề nghị của đoàn viên, người lao động.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG ĐOÀN

Mục 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Điều 5. Tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn pháp luật

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn;
2. Văn phòng tư vấn pháp luật Công đoàn;
3. Tổ tư vấn pháp luật Công đoàn;
4. Cán bộ tư vấn pháp luật ;
5. Tư vấn viên pháp luật;
6. Cộng tác viên tư vấn pháp luật.

Điều 6. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn là hình thức tổ chức tư vấn pháp luật của Công đoàn, được Công đoàn thành lập, hoạt động theo các quy định của Nhà nước và quy định của Tổng Liên đoàn.

2. Quản lý hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn được thực hiện theo nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với quản lý thống nhất của Tổng Liên đoàn.

Điều 7. Văn phòng tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Văn phòng tư vấn pháp luật Công đoàn là hình thức tổ chức tư vấn pháp luật của Công đoàn, do Công đoàn thành lập ở những nơi chưa đủ điều kiện thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật quy định tại Điều 6 của Quy định này, có cán bộ chuyên trách và cán bộ hoạt động kiêm nhiệm thuộc biên chế của cơ quan Công đoàn cấp đó.

2. Văn phòng tư vấn pháp luật Công đoàn, bao gồm Chủ nhiệm Văn phòng và các thành viên là cán bộ có hiểu biết về pháp luật, có kinh nghiệm hoạt động công đoàn đang công tác tại các ban, đơn vị của cấp công đoàn ra quyết định thành lập.

3. Văn phòng tư vấn pháp luật Công đoàn là bộ phận thuộc Ban Chính sách-Pháp luật của Công đoàn quyết định thành lập.

Điều 8. Tổ tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Tổ tư vấn pháp luật Công đoàn là hình thức tổ chức tư vấn pháp luật của Công đoàn, do Công đoàn thành lập ở những nơi chưa đủ điều kiện thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn hoặc Văn phòng tư vấn pháp luật Công đoàn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Quy định này.

2. Tổ tư vấn pháp luật Công đoàn bao gồm Tổ trưởng và các thành viên là cán bộ hoạt động kiêm nhiệm của cấp Công đoàn ra quyết định thành lập.

3. Tổ tư vấn pháp luật Công đoàn là bộ phận thuộc Ban Chính sách- Pháp luật, Ban Công tác cơ sở hoặc chịu sự điều hành, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ của Công đoàn ra quyết định thành lập.

Điều 9. Cán bộ tư vấn pháp luật

Cán bộ tư vấn pháp luật là những tư vấn viên pháp luật được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận, cấp thẻ tư vấn viên pháp luật theo quy định của Nghị định 77/2008/NĐ-CP và cán bộ làm công tác pháp luật của công đoàn, được công đoàn cấp đó phân công làm công tác tư vấn pháp luật.

Điều 10. Tư vấn viên pháp luật

Tư vấn viên pháp luật là người có đủ điều kiện, được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận, cấp thẻ Tư vấn viên pháp luật theo quy định tại Nghị định 77/2008/NĐ-CP, được Công đoàn phân công hoặc hợp đồng làm công tác tư vấn pháp luật của Công đoàn.

Điều 11. Cộng tác viên tư vấn viên pháp luật

Cộng tác viên tư vấn viên pháp luật là người có trình độ, kiến thức, kinh nghiệm công tác pháp luật, hoạt động công đoàn; được các Trung tâm, Văn phòng, Tổ tư vấn pháp luật của Công đoàn cộng tác thường xuyên trong quá trình tổ chức hoạt động tư vấn.

Mục 2. NỘI DUNG, HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Điều 12. Nội dung hoạt động tư vấn pháp luật

1. Nội dung hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn tập trung vào lĩnh vực pháp luật lao động và công đoàn.

2. Những nơi thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật có thể mở rộng thêm nội dung hoạt động đối với lĩnh vực pháp luật hình sự, dân sự, hành chính hoặc lĩnh vực pháp luật khác theo Nghị định 77/2008/NĐ-CP và Thông tư 01/2010/TT-BTP.

3. Hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn bao gồm:

- a) Hướng dẫn, giải đáp pháp luật;
- b) Cung cấp ý kiến pháp lý;
- c) Tư vấn, soạn thảo đơn, hợp đồng và các giấy tờ khác;
- d) Cung cấp văn bản pháp luật, thông tin pháp lý;
- đ) Kiến nghị giải quyết yêu cầu, đề nghị của người được tư vấn pháp luật;
- e) Đại diện cho người được tư vấn thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật;
- g) Các hoạt động khác liên quan đến trợ giúp pháp lý phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 13. Hình thức, phương pháp tư vấn pháp luật

Hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn được thực hiện thông qua các hình thức, phương pháp:

1. Trực tiếp;
2. Bằng văn bản;
3. Điện thoại, Email, Webside;
4. Các phương tiện thông tin đại chúng;
5. Các hình thức, phương pháp khác.

Mục 3. QUY TRÌNH TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Điều 14. Tiếp nhận yêu cầu tư vấn pháp luật.

1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra các giấy tờ liên quan đến điều kiện và nội dung yêu cầu tư vấn. Trường hợp xét thấy nội dung yêu cầu tư vấn đơn giản, cụ thể, rõ ràng, có thể tiến hành tư vấn ngay cho đối tượng được tư vấn;
2. Hướng dẫn, yêu cầu đối tượng được tư vấn bổ sung hồ sơ đề nghị tư vấn còn thiếu các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có liên quan;
3. Viết giấy biên nhận hồ sơ nếu đối tượng được tư vấn có yêu cầu, viết phiếu hẹn trả lời kết quả tư vấn ;
4. Phân loại vụ việc tư vấn theo nội dung yêu cầu tư vấn để xác định hình thức, phương pháp tư vấn phù hợp.

Điều 15. Nghiên cứu, trả lời yêu cầu tư vấn pháp luật.

1. Thu thập, nghiên cứu các văn bản, tài liệu có liên quan đến vụ việc tư vấn. Trường hợp cần thiết có thể xác minh hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến nội dung tư vấn;

2. Xây dựng nội dung, lựa chọn hình thức và phương pháp tư vấn để chuẩn bị trả lời đối tượng yêu cầu tư vấn;

3. Trả lời yêu cầu tư vấn theo phiếu hẹn đối tượng, thông qua các hình thức quy định tại Điều 13 của Quy định này. Trong trường hợp cần thiết, có thể trực tiếp hoặc đề nghị Công đoàn cấp mình kiến nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân hữu quan giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được tư vấn.

Điều 16. Theo dõi kết quả tư vấn pháp luật.

Tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn pháp luật có trách nhiệm lập sổ theo dõi kết quả tư vấn để tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm. Các vụ việc tư vấn được đánh số, sắp xếp theo thứ tự thời gian và theo lĩnh vực tư vấn. Hồ sơ tư vấn được lưu trữ theo quy định của pháp luật; những trường hợp cần thiết, được lưu lại phục vụ cho công tác nghiên cứu hoặc làm tài liệu tham khảo.

Chương III

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG ĐOÀN

Điều 17. Biên chế, tổ chức và cơ sở vật chất

1. Căn cứ vào nhu cầu, điều kiện cụ thể của địa phương, ngành, cơ sở, Công đoàn mỗi cấp quyết định hình thức tổ chức, biên chế và lực lượng cán bộ, công tác viên làm công tác tư vấn pháp luật theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

2. Khuyến khích Trung tâm tư vấn pháp luật phát triển đội ngũ luật sư, công tác viên tư vấn pháp luật theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định 77/2008/NĐ-CP; Điều 17, Điều 18 Thông tư 01/2010/TT-BTP.

3. Tổ chức, cá nhân làm công tác tư vấn pháp luật của công đoàn được cấp công đoàn ra quyết định thành lập bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi về địa điểm, trụ sở, phương tiện làm việc và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho hoạt động tư vấn.

Điều 18. Tài chính cho hoạt động tư vấn pháp luật

1. Tổ chức, cá nhân làm công tác tư vấn pháp luật của Công đoàn cấp nào do công đoàn cấp đó bảo đảm tài chính hoạt động thường xuyên và được

bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Công đoàn cấp đó, bao gồm chi phí hành chính, chi hoạt động thường xuyên; chi trả tiền lương, phụ cấp lương, khen thưởng; chi phí hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ pháp lý theo vụ việc và các chi phí cần thiết, hợp lý khác.

Tài chính bảo đảm cho hoạt động tư vấn được kết cấu trong nội dung chi bảo đảm hoạt động của Công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn năm 2012; quy định của Tổng Liên đoàn và Công đoàn ra quyết định thành lập tổ chức tư vấn pháp luật.

2. Tổ chức làm công tác tư vấn pháp luật Công đoàn được tiếp nhận, sử dụng tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

3. Ngoài các nguồn tài chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, Trung tâm tư vấn pháp luật được thu phí thù lao theo Nghị định 77/2008/NĐ-CP, Thông tư 01/2010/TT-BTP, Quy định về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật công đoàn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Chương IV

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

VỀ THỰC HIỆN TƯ VẤN VÀ QUẢN LÝ TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Mục 1. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của đối tượng được tư vấn pháp luật

1. Quyền hạn:

a) Được tư vấn pháp luật theo quy định của Tổng Liên đoàn; tự mình hoặc uỷ quyền cho người khác đề nghị tư vấn pháp luật;

b) Được giữ bí mật về nội dung tư vấn pháp luật khi có yêu cầu và được thông báo về kết quả tư vấn;

c) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đối với các hành vi gây phiền hà, cản trở hoặc hành vi vi phạm khác của người thực hiện tư vấn.

2. Trách nhiệm :

a) Xuất trình thẻ đoàn viên công đoàn hoặc giấy tờ xác nhận khác thuộc đối tượng được tư vấn pháp luật của Công đoàn;

b) Cung cấp đầy đủ, trung thực những thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung yêu cầu tư vấn pháp luật và chịu trách nhiệm về tính xác thực của những thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành nội quy, quy định của cơ quan, tổ chức tư vấn pháp luật.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của cán bộ tư vấn, tư vấn viên, cộng tác viên thực hiện tư vấn pháp luật

1. Quyền hạn :

a) Được yêu cầu Tổ chức tư vấn pháp luật của cơ quan chủ quản hoặc công đoàn cấp có thẩm quyền đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho hoạt động tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật;

b) Khi được uỷ quyền hoặc phân công của Công đoàn, có quyền đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên công đoàn, người lao động trước người sử dụng lao động, cơ quan nhà nước, tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Đề xuất với công đoàn cấp có thẩm quyền kiến nghị với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm giải quyết yêu cầu hoặc đề nghị của đối tượng tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật;

d) Được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tư vấn pháp luật; được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn;

đ) Từ chối tư vấn pháp luật trong những trường hợp không thuộc chức năng, nhiệm vụ, nội dung tư vấn; đối tượng tư vấn có hành vi vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan, cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật.

e) Từ chối yêu cầu tư vấn pháp luật trái quy định của pháp luật, quy định của Tổng Liên đoàn và đạo đức xã hội;

2. Trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, nghiên cứu, trả lời, theo dõi kết quả tư vấn và lưu giữ hồ sơ tư vấn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn;

b) Tư vấn pháp luật trung thực, khách quan;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn về thực hiện tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý;

d) Chịu trách nhiệm về nội dung tư vấn pháp luật do mình thực hiện ;

e) Bồi hoàn thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện tư vấn pháp luật.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của tổ chức thực hiện tư vấn

1. Quyền hạn:

a) Được đề nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đối tượng tư vấn;

b) Được kiến nghị hoặc đề xuất với công đoàn cấp có thẩm quyền kiến nghị với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hữu quan giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn và người lao động.

c) Được tiếp nhận tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

2. Trách nhiệm:

a) Tuân theo quy định của pháp luật, quy định của Tổng Liên đoàn và các quy định của cấp công đoàn ra quyết định thành lập.

b) Chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật và trước Công đoàn cấp ra quyết định thành lập.

c) Chịu trách nhiệm về hoạt động tư vấn pháp luật của cán bộ tư vấn do mình quản lý.

d) Định kỳ 6 tháng, báo cáo cơ quan Công đoàn cấp mình về kết quả hoạt động tư vấn pháp luật.

Mục 2. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG

TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của Tổng Liên đoàn

1. Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý của Công đoàn;

2. Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân làm công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và sự nghiệp tư vấn pháp luật trong hệ thống công đoàn.

3. Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tư vấn cho cán bộ làm công tác tư vấn pháp luật của Công đoàn;

4. Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động tư vấn pháp luật giữa Tổng Liên đoàn với ngành Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan; chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành các quy định về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ các cấp công đoàn về chuyên môn, nghiệp vụ và chiến lược đào tạo cán bộ làm công tác tư vấn pháp luật của Công đoàn.

Điều 23. Quyền và trách nhiệm của Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

1. Căn cứ vào quy định của Tổng Liên đoàn, ban hành các quy định cụ thể triển khai thực hiện chủ trương, đường lối phát triển hoạt động tư vấn pháp luật của Công đoàn phù hợp với nhu cầu, điều kiện của địa phương, ngành.

2. Quản lý và thường xuyên chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của tổ chức tư vấn pháp luật do mình thành lập.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng kỹ năng tư vấn pháp luật cho cán bộ làm công tác tư vấn.

4. Hỗ trợ Công đoàn cấp dưới về chuyên môn, nghiệp vụ, tài chính trong việc triển khai thực hiện công tác tư vấn pháp luật.

5. Kiểm tra và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tại địa phương kiểm tra việc chấp hành các quy định về tổ chức, hoạt động tư vấn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

6. Định kỳ 6 tháng báo cáo Công đoàn cấp trên về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật ở cấp mình và báo cáo Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Trung tâm tư vấn pháp luật về tổ chức và hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật do mình thành lập theo Nghị định 77/2008/NĐ-CP, Thông tư 01/2010/TT-BTP.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Công đoàn cơ sở

1. Công đoàn cơ sở có trách nhiệm lựa chọn, phân công cán bộ thực hiện công tác tư vấn pháp luật tại đơn vị, cơ sở mình. Những nơi cán bộ công đoàn hoạt động kiêm nhiệm, cần ưu tiên dành thời gian thoả đáng cho hoạt động tư vấn pháp luật theo chỉ đạo cụ thể của Công đoàn cấp trên trực tiếp.

2. Định kỳ 6 tháng, báo cáo Công đoàn cấp trên trực tiếp về hoạt động tư vấn pháp luật; được quyền đề nghị Công đoàn cấp trên hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ và các điều kiện đảm bảo khác phục vụ cho hoạt động tư vấn.

Chương V

TRUNG TÂM TƯ VẤN PHÁP LUẬT CÔNG ĐOÀN

Điều 25. Thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn do Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, có đủ điều kiện thành lập theo quy định của Quy định này.

2. Điều kiện thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn:

Có ít nhất hai tư vấn viên pháp luật trở lên đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 77/2008/NĐ-CP. Trong đó, ít nhất phải có

một tư vấn viên là cán bộ công đoàn chuyên trách; số còn lại là cán bộ công đoàn của cấp công đoàn ra quyết định thành lập phân công hoạt động kiêm nhiệm tại Trung tâm; hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động.

Có trụ sở làm việc, giao dịch của Trung tâm tư vấn pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm tư vấn pháp luật công đoàn:

Trung tâm tư vấn pháp luật bao gồm Giám đốc Trung tâm, tư vấn viên pháp luật và các nhân viên khác. Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện hoạt động cụ thể của Trung tâm, Công đoàn cấp ra quyết định thành lập Trung tâm có thể bổ nhiệm thêm chức danh Phó giám đốc, một số bộ phận giúp việc, thành lập và đặt chi nhánh của Trung tâm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Quy định này.

Điều 26. Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn thuộc Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn được thành lập và đặt chi nhánh tư vấn pháp luật của Trung tâm ở những nơi đông công nhân lao động, quan hệ lao động phức tạp, phát sinh thường xuyên yêu cầu tư vấn pháp luật. Quyết định thành lập Chi nhánh tư vấn pháp luật phải được Ban Thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn chấp thuận.

2. Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật phải có ít nhất một tư vấn viên là cán bộ công đoàn hoạt động chuyên trách hoặc một luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc cho chi nhánh.

Điều 27. Đăng ký hoạt động Trung tâm, Chi nhánh tư vấn pháp luật

1. Trung tâm tư vấn pháp luật do Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập, đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp địa phương mình; Trung tâm tư vấn pháp luật do Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn thành lập, đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Trung tâm.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh của Trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định 77/2008/NĐ-CP và Điều 5, Điều 6 Thông tư 01/2010/TT-BTP.

Điều 28. Địa vị pháp lý của Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Liên đoàn

lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn về tổ chức bộ máy, cán bộ, nội dung hoạt động và chế độ tài chính áp dụng đối với hoạt động của Trung tâm theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn.

2. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn nhân danh mình khi tiến hành các hoạt động tư vấn pháp luật.

Điều 29. Phạm vi tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý của Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý theo quy định tại Mục 2, Chương II của Quy định này; đồng thời có trách nhiệm tham gia các hoạt động về xây dựng chính sách, pháp luật; phổ biến giáo dục pháp luật; kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành pháp luật; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; giải quyết tranh chấp lao động, đình công theo sự phân công của cấp Công đoàn ra quyết định thành lập.

2. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn đại diện theo uỷ quyền của đối tượng được tư vấn thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật, kể cả trường hợp đại diện bảo vệ quyền lợi cho đối tượng tư vấn trước các cơ quan tiến hành tố tụng; Đại diện theo uỷ quyền của cấp công đoàn ra quyết định thành lập bảo vệ quyền lợi cho đối tượng được tư vấn trước các cơ quan tiến hành tố tụng với danh nghĩa của cấp Công đoàn uỷ quyền.

Điều 30. Chế độ tài chính của Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn

1. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn được bảo đảm tài chính hoạt động theo quy định tại Điều 9 Nghị định 77/2008/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 8 Thông tư 01/2010/TT-BTP và theo quy định tại Điều 18 của Quy định này.

2. Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn được thu thù lao tư vấn theo quy định của pháp luật, quy định chung của Tổng Liên đoàn và quy định cụ thể của cấp Công đoàn ra quyết định thành lập, nhằm bù đắp một phần chi phí và cải thiện điều kiện làm việc của Trung tâm.


Cơ sở xây dựng mức thù lao tư vấn đối với mỗi loại vụ việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 01/2010/TT-BTP và lập thành biểu phí thù lao niêm yết tại trụ sở Trung tâm.

3. Chế độ chi tiêu tài chính của Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn thực hiện theo kế hoạch được duyệt phù hợp với qui định của Nhà nước, của Tổng Liên đoàn; chịu sự kiểm tra, giám sát của Công đoàn và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được thực hiện trong các cấp công đoàn;
2. Ban Quan hệ Lao động Tổng Liên đoàn tham mưu giúp Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. 

Nơi nhận:

- Các đ/c Ủy viên BCH TLĐ
- LĐLĐ các tỉnh, Thành phố,
Công đoàn ngành TW,
Công đoàn TCTy trực thuộc TLĐ
- Các Ban, đơn vị trực thuộc TLĐ
- Bộ Tư pháp
- Lưu VT, Ban QHLD TLĐ

